

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 04 - 8 - 2020

V/v tranh chấp: “Chia tài sản
chung của vợ chồng sau khi ly
hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: + Ông Huỳnh Văn Ngoan
+ Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 7 và 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 139/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 397/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh V, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số 125/3, L, tổ 10, Khu phố 8, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2019)

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị X, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - chị Phan Thị X.

Có mặt anh Dũng, chị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo án sơ thẩm;*

- *Nguyên đơn - anh Trần Thanh V trình bày:*

Anh và chị Phan Thị X đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 294/2018/QĐST-HNGĐ ngày

14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Theo đó, về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, anh chị không thỏa thuận được việc chia tài sản. Tài sản chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân gồm:

+ Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 15, diện tích 908,2m² gắn liền với căn nhà kết cấu vách tường, mái tole, nền gạch men, diện tích khoảng 7m x 16m, tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh đại diện đứng tên quyền sử dụng đất và do chị X đang quản lý sử dụng.

+Thửa đất số 394, tờ bản đồ số 21, diện tích 104m² gắn liền với căn nhà diện tích khoảng 5,2m x 15m, tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang do chị X đứng tên quyền sử dụng đất và đang quản lý, sử dụng.

+Thửa đất số 390, diện tích 80m² và thửa đất số 382, diện tích 68m², cùng tờ bản đồ số 21 và tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang do chị X đứng tên quyền sử dụng đất và đang quản lý, sử dụng.

+Riêng đối với thửa đất số 214, tờ bản đồ số 29, diện tích 116,1m², tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do anh và chị X cùng đứng tên quyền sử dụng đất thì anh chị thống nhất cho con chung tên Trần Phương N, nên anh không tranh chấp.

Nay anh yêu cầu được chia thửa đất số 97, diện tích 908,2m² gắn liền với căn nhà kết cấu vách tường, mái tole, nền gạch men, diện tích khoảng 7m x 16m, tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh đồng ý chia cho chị X 03 thửa đất còn lại. Đối với các đồ dùng trong nhà như tủ, ghế...thì anh không tranh chấp;

-Bị đơn - chị Phan Thị X trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh V về tài sản chung. Tuy nhiên, chị không đồng ý chia theo yêu cầu khởi kiện của anh V vì chị muốn để toàn bộ tài sản cho con.

*Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 139/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 59, Điều 62 và Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của anh Trần Thanh V.

- Buộc chị Phan Thị X chia cho anh Trần Thanh V được quyền quản lý, sử dụng sở hữu phần đất tại thửa đất số 97, diện tích 908,2m², tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BM402575, sổ và sổ CH03805 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25/6/2010 do anh Trần Thanh V đứng tên quyền sử dụng đất; Toàn bộ căn nhà gắn liền trên thửa đất số 97 và toàn bộ cây trồng trên thửa đất số 97 gồm: Mai vàng Ø38cm: 01 cây; Mai tứ quý Ø40cm: 02 cây; Thiên tuế Ø60cm: 02 cây; Mai vàng Ø38cm: 08 cây; Mai vàng Ø16cm: 03 cây; Mai vàng Ø22cm: 5 cây; Mai vàng Ø25cm: 01 cây; Mai vàng Ø41cm: 01 cây; Mai vàng Ø10cm: 03 cây; Mai tứ quý Ø15cm: 02 cây; Chuối 15 bụi (03 cây/bụi): 45 cây; Bơ: 01 cây; Dừa loại A: 03 cây; Dừa loại B1: 08 cây; Nguyệt quế Ø35cm: 01 cây; Nguyệt quế Ø30cm: 01 cây; Ổi: 10 cây; Bông trang tán 5,8m: 01 cây; Bông trang tán 4,6m: 01 cây; Bông trang tán nhỏ: 04 cây.

- Chia cho chị Phan Thị X được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu phần đất tại các thửa đất số:

+ Thửa đất số 394, diện tích 104m², tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Thửa đất số 390, diện tích 80m², tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Thửa đất số 382, diện tích 68m², tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Toàn bộ căn nhà và phần tiệm bán đồ dùng học sinh gắn liền trên thửa đất số 394.

(Mà hiện chị X đang quản lý, sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất)

- Chị X được quyền lưu cư tại căn nhà cất trên thửa đất số 97 (căn nhà chia cho anh V) trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

*Ngày 19/8/2019, chị Phan Thị X có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Phan Thị X thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Chị X đồng ý chia cho anh V thửa đất 371, tờ bản đồ 15 (được tách ra từ thửa 97 cũ), diện tích 555,9m², tọa lạc ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang và các tài sản gắn liền trên đất. Các thửa đất còn lại và tài sản gắn liền trên đất chị X yêu cầu chia cho chị. Chị đồng ý cho anh V sở hữu và di dời các cây kiểng trồng trên thửa đất 372 tờ bản đồ 15. Yêu cầu anh V cho chị lưu cư 06 tháng trong căn nhà chia cho anh V.

- Đại diện theo ủy quyền của anh Trần Thanh V đồng ý chia cho chị Phan Thị X thửa 372 tờ bản đồ 15, diện tích 352,3m², tọa lạc ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 02 thửa đất tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, 01 căn nhà (tiệm tạp hóa) gắn liền với thửa 394, các vật dụng sinh hoạt trong gia đình như tủ, bàn, ghế, tivi, máy lạnh, máy giặt. Yêu cầu chị X chia cho anh V thửa 371 tờ bản đồ 15, diện tích 555,9m² và một trong ba thửa đất còn lại tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh V yêu cầu được sở hữu và di dời các cây kiểng trên thửa đất số 372 chia cho chị X và đồng ý cho chị X lưu cư 06 tháng trong căn nhà xây trên thửa đất số 371 kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

+Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung kháng cáo: Xét việc chị X tại phiên tòa thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu kháng cáo của chị X xin chia các thửa đất 372, 382, 390, 394 và các vật dụng sinh hoạt trong gia đình là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Để bảo vệ quyền

và lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên khi ly hôn, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị X, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh V về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn” là có căn cứ; thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Việc chị X thay đổi yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Chị Phan Thị X và anh Nguyễn Văn D (đại diện theo ủy quyền của anh Trần Thanh V) thống nhất trình bày tài sản chung của vợ chồng chị X, anh V đã được thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2020; thống nhất giá trị tài sản đã được định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 0258-20/CT-TĐG của Công ty TNHH thẩm định giá Nova, bao gồm:

+ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 15, diện tích 555,9m² (tách ra từ thửa 97 cũ), tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, loại đất trồng cây lâu năm, trị giá : 229.506.095 đồng.

+ Công trình xây dựng trên đất gồm nhà ở 88,4m²; nhà bếp 13,6m²; mái che 7,2m², trị giá: 208.198.960 đồng.

+ 07 cây Dừa loại D trị giá 3.500.000 đồng; 03 bụi Chuối loại A trị giá 771.000 đồng.

+ 03 cây Mai tứ quý đường kính gốc 16 cm; 02 cây Thiên Tuế đường kính gốc 25 cm; 03 cây bông Trang tán lớn đường kính gốc 25cm; 15 cây Mai vàng đường kính gốc 22 cm (không định giá, chỉ tính công di dời là 6.370.000 đồng).

+ Thửa đất số 372, tờ bản đồ 15, diện tích 352,3m² (tách ra từ thửa 97 cũ), tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, loại đất trồng cây lâu năm, trị giá 145.448.817 đồng.

+ 05 cây Dừa loại D; 06 bụi Chuối loại A; 09 cây Ổi loại C; 01 cây Xoài loại C, trị giá 4.945.000 đồng.

+ 06 cây Mai vàng đường kính gốc 16 cm; 03 cây Mai vàng đường kính 25 cm; 02 cây Nguyệt Quế đường kính gốc 30 cm; 01 cây Bông Trang tán lớn đường kính gốc 25cm; 01 cây Bông Trang tán nhỏ đường kính gốc 16 cm (không định giá trị, chỉ tính công di dời là 3.250.000 đồng).

+ Thửa đất số 394, tờ bản đồ số 21, diện tích 104m², tọa lạc ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, loại đất trồng cây lâu năm, trị giá 164.156.824 đồng.

+ Nhà ở (tiệm tạp hóa) diện tích 50,50m² và mái che 19,50m² gắn liền với đất, trị giá 121.626.575 đồng.

+ Thửa đất số 390, tờ bản đồ 21, diện tích 80m², tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, loại đất trồng cây lâu năm, trị giá 126.274.480 đồng.

+ Thửa 382, tờ bản đồ 21, diện tích 68m², tọa lạc ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, loại đất trồng cây lâu năm, trị giá 107.333.308 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 1.108.261.059 đồng (Một tỷ, một trăm lẻ tám triệu, hai trăm sáu mươi một ngàn, không trăm năm mươi chín đồng).

+Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 29, diện tích 116,1m², tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do anh và chị X cùng đứng tên quyền sử dụng đất thì anh chị thống nhất cho con chung tên Trần Phương N, hai bên không tranh chấp nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+Vật dụng sinh hoạt gia đình các bên không yêu cầu định giá gồm: 01 bộ bàn ghế salon gỗ gõ đỏ; 01 tủ ly gỗ tạp; 01 tivi Sony 43 inch; 01 quạt điều hòa hiệu Daikin; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy lạnh hiệu Panasonic loại 01HP; 01 máy giặt hiệu Sanyo loại 07 kg. Các tài sản này anh V đồng ý chia cho chị X, hai bên không yêu cầu định giá nên được hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, chị X thừa nhận toàn bộ số tài sản nêu trên là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nhưng chị X cho rằng chị có công sức đóng góp nhiều hơn anh V, cụ thể nguồn tiền mua tài sản là của cha mẹ chị X cho riêng chị X một số vàng trong ngày cưới và chị X dành dụm từ việc buôn bán tiệm tạp hóa, làm chủ hụi, còn anh V chỉ lãnh lương nhà nước, không đóng góp vào việc tạo lập khối tài sản chung, không phụ giúp chị trong các chi tiêu sinh hoạt gia đình, nuôi dạy con cái. Ngoài ra, trong quá trình chung sống, anh V còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và xin ly hôn với chị X. Sau khi ly hôn, chị X được giao quyền nuôi con là cháu Trần Như Ngọc, sinh ngày 28/01/2009 nhưng anh V không cấp dưỡng nuôi con. Từ những lý do trên, chị X kháng cáo yêu cầu hội đồng xét xử xem xét chia cho chị X phần tài sản nhiều hơn anh V để mẹ con chị ổn định cuộc sống. Cụ thể:

- Chị X yêu cầu được chia các tài sản như sau:

+Thửa đất số 372, tờ bản đồ 15, diện tích 352,3m², loại đất trồng cây lâu năm (tách ra từ thửa 97 cũ), tọa lạc: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trị giá 145.448.817 đồng.

+ Cây trồng trên thửa đất 372 gồm: 05 cây Dừa loại D; 06 bụi Chuối loại A; 09 cây Ổi loại C; 01 cây Xoài loại C, trị giá 4.945.000 đồng.

+Thửa đất số 394, tờ bản đồ số 21, diện tích 104m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trị giá 164.156.824 đồng.

+Nhà ở (tiệm tạp hóa) diện tích 50,50m² và mái che 19,50m² gắn liền với thửa đất 394, trị giá 121.626.575 đồng.

+Thửa đất số 390, tờ bản đồ 21, diện tích 80m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trị giá 126.274.480 đồng.

+Thửa 382, tờ bản đồ 21, diện tích 68m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trị giá 107.333.308 đồng.

Tổng giá trị tài sản được chia là 669.785.059 đồng (Sáu trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, không trăm năm mươi chín đồng).

Đối với các cây kiểng trồng trên thửa đất 372 tờ bản đồ 15 gồm 06 cây Mai vàng đường kính gốc 16 cm; 03 cây Mai vàng đường kính 25 cm; 02 cây Nguyệt Quê đường kính gốc 30 cm; 01 cây Bông Trang tán lớn đường kính gốc 25cm; 01 cây Bông Trang tán nhỏ đường kính gốc 16 cm chị X đồng ý cho anh V sở hữu và anh V phải có nghĩa vụ di dời đi nơi khác.

Ngoài ra, chị X còn yêu cầu được chia các vật dụng sinh hoạt gia đình gồm 01 bộ bàn ghế salon gỗ gõ đỏ; 01 tủ ly gỗ tạp; 01 tivi Sony 43inch; 01 quạt điều hòa hiệu Daikin; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy lạnh hiệu Panasonic loại

01HP; 01 máy giặt hiệu Sanyo loại 07 kg. Số tài sản này hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận giao cho chị X được quyền sở hữu.

- Chị X đồng ý chia cho anh V các tài sản sau:

+Thửa đất số 371, tờ bản đồ 15, diện tích 555,9m² (tách ra từ thửa 97 cũ), loại đất cây lâu năm, tọa lạc: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trị giá 229.506.095 đồng.

+Công trình xây dựng trên đất gồm nhà ở 88,4m²; nhà bếp 13,6m²; mái che 7,2m², trị giá: 208.198.960 đồng.

+07 cây Dừa loại D trị giá 3.500.000 đồng; 03 bụi Chuối loại A trị giá 771.000 đồng.

+03 cây Mai tứ quý đường kính gốc 16 cm; 02 cây Thiên Tuế đường kính gốc 25 cm; 03 cây bông Trang tán lớn đường kính gốc 25cm; 15 cây Mai vàng đường kính gốc 22 cm (không định giá, chỉ tính công di dời là 6.370.000 đồng).

Tổng cộng giá trị tài sản chia cho anh V là 438.476.055 đồng (Bốn trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi sáu ngàn, không trăm năm mươi lăm đồng).

-Chị X đồng ý cho anh V di dời và sở hữu:

+ 06 cây Mai vàng đường kính gốc 16 cm; 03 cây Mai vàng đường kính 25 cm; 02 cây Nguyệt Quế đường kính gốc 30 cm; 01 cây Bông Trang tán lớn đường kính gốc 25cm; 01 cây Bông Trang tán nhỏ đường kính gốc 16cm (không định giá trị, chỉ tính công di dời là 3.250.000 đồng).

-Về phía anh V có người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Văn Dũng yêu cầu chị X phải chia cho anh V các tài sản sau:

+Thửa đất 371, tờ bản đồ 15, diện tích 555,9m² (tách ra từ thửa 97 cũ), loại đất cây lâu năm, tọa lạc: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trị giá 229.506.095 đồng.

+Công trình xây dựng trên đất gồm nhà ở 88,4m²; nhà bếp 13,6m²; mái che 7,2m², trị giá: 208.198.960 đồng.

+07 cây Dừa loại D trị giá 3.500.000 đồng; 03 bụi Chuối loại A trị giá 771.000 đồng.

+03 cây Mai tứ quý đường kính gốc 16 cm; 02 cây Thiên Tuế đường kính gốc 25 cm; 03 cây bông Trang tán lớn đường kính gốc 25cm; 15 cây Mai vàng đường kính gốc 22 cm (không định giá, chỉ tính công di dời là 6.370.000 đồng).

+ 01 trong các thửa đất tọa lạc tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 06 cây Mai vàng đường kính gốc 16 cm; 03 cây Mai vàng đường kính 25 cm; 02 cây Nguyệt Quế đường kính gốc 30 cm; 01 cây Bông Trang tán lớn đường kính gốc 25cm; 01 cây Bông Trang tán nhỏ đường kính gốc 16 cm trồng trên thửa đất 372 tờ bản đồ 15 mà anh V đồng ý chia cho chị X.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng anh V, chị X được các bên thống nhất tại phiên tòa là 1.108.261.059 đồng (Một tỷ, một trăm lẻ tám triệu, hai trăm sáu mươi một ngàn, không trăm năm mươi chín đồng). Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 và khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc giải quyết tài sản do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố như hoàn cảnh gia đình, công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung, lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và phải bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên. Như vậy, nếu chia đôi tài sản chung thì anh V và chị X mỗi người sẽ được nhận số tài sản tương đương 554.130.529 đồng

(Năm trăm năm mươi bốn triệu, một trăm ba mươi ngàn, năm trăm hai mươi chín đồng). Tuy nhiên, theo chị X trình bày nguồn tiền mua sắm tài sản là do chị bán số vàng được cha mẹ ruột cho riêng trong ngày cưới và tiền của chị dành dụm từ việc mua bán tạp hóa, đồ dùng cho học sinh và góp hụi, anh V làm công chức nhà nước, lương thấp, không có đóng góp trong việc tạo lập khối tài sản chung. Ngoài ra, trong quá trình chung sống, anh V còn ngoại tình và chủ động xin ly hôn với chị. Hiện tại, chị X đang phải nuôi một người con chưa thành niên nhưng anh V không cấp dưỡng nuôi con, vì vậy để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và con chưa thành niên, chị X yêu cầu được nhận phần tài sản có giá trị cao hơn phần tài sản anh V được nhận để ổn định cuộc sống của hai mẹ con. Xét yêu cầu của chị X là chính đáng và phù hợp pháp luật, do đó hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị X, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, tại Đơn yêu cầu thu thập chứng cứ đề ngày 30/3/2020 và tại phiên tòa chị X còn trình bày tài sản chung của vợ chồng anh chị còn có thửa đất 909, tờ bản đồ số HMBC 6, diện tích 4.059m², loại đất (3L) tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc của cha mẹ chồng cho chung hai vợ chồng chị trong thời kỳ hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình anh Trần Thanh V. Trước khi ly thân, anh V nói đã bán cho em ruột của anh V nhưng chưa nhận tiền, chị yêu cầu anh V chia đôi giá trị đất cho chị. Xét thấy, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm chị X chưa có đơn phản tố yêu cầu chia thửa đất này và Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết, do đó cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu của chị X, nếu sau này chị X có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên chị X không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh V phải chịu 21.679.000 đồng, chị X phải chịu 30.791.400 đồng.

[5]. Về chi phí tố tụng: Các bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 284, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 59, 62, 63 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị X.

Sửa một phần bản án Hôn nhân và gia đình số 139/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh V.

1.1. Chia cho anh Trần Thanh V được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản sau:

+Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 15, diện tích 555,9m², địa chỉ thửa đất: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (tách ra từ thửa 97 tờ bản đồ số 15, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM402575, số vào sổ CH03805 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25/6/2010 cho anh Trần Thanh V đứng tên).

(Có sơ đồ đất kèm theo)

+01 (một) căn nhà kết cấu: cột, dầm bê – tông, vách tường, mái tole, nền gạch ceramic 400 x 400 có khu phụ, trần prima, diện tích 88,4m², tỉ lệ còn lại 50%; Nhà bếp kết cấu cột, dầm bê tông, vách tường (không sơn, mái tole, nền gạch ceramic 400 x 400, 01 hàng cột + vách nhỡ, không trần, không khu phụ, diện tích 13,6m², tỷ lệ còn lại 50%; mái che: kết cấu cột, kèo gỗ tạp, mái tole, nền bê tông, 01 hàng cột nhỡ, diện tích 7,2m², tỉ lệ còn lại 65%.

+07 cây Dừa loại D; 03 bụi Chuối loại A; 03 cây Mai tứ quý đường kính gốc 16cm; 02 cây Thiên Tuế đường kính gốc 60cm; 03 cây Bông Trang tán lớn, đường kính gốc 25cm; 15 cây Mai vàng đường kính gốc 22cm.

+06 cây Mai vàng đường kính gốc 16 cm; 03 cây Mai vàng đường kính 25 cm; 02 cây Nguyệt Quế đường kính gốc 30 cm; 01 cây Bông Trang tán lớn đường kính gốc 25cm; 01 cây Bông Trang tán nhỏ đường kính gốc 16 cm trồng trên thửa đất 372 tờ bản đồ 15.

Buộc chị Phan Thị X phải có nghĩa vụ giao các tài sản nêu trên cho anh Trần Thanh V khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Trần Thanh V có nghĩa vụ di dời 06 cây Mai vàng đường kính gốc 16 cm; 03 cây Mai vàng đường kính 25 cm; 02 cây Nguyệt Quế đường kính gốc 30 cm; 01 cây Bông Trang tán lớn đường kính gốc 25cm; 01 cây Bông Trang tán nhỏ đường kính gốc 16 cm trồng trên thửa đất 372 tờ bản đồ 15 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Chia cho chị Phan Thị X được quyền sử dụng, sở hữu các tài sản sau:

+Thửa đất số 372, tờ bản đồ 15, diện tích 352,3m², địa chỉ thửa đất: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (tách ra từ thửa 97 tờ bản đồ số 15, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM402575, số vào sổ CH03805 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25/6/2010 cho anh Trần Thanh V đứng tên).

(Có sơ đồ đất kèm theo).

+ 05 cây Dừa loại D; 06 bụi Chuối loại A; 09 cây Ổi loại C; 01 cây Xoài loại C trồng trên đất số 372 nêu trên;

+ Thửa đất số 394, tờ bản đồ 21, diện tích 104m², địa chỉ thửa đất: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 890236, ngày vào sổ: 14/9/2017 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho chị Phan Thị X đứng tên).

(Có sơ đồ đất kèm theo).

+ Toàn bộ căn nhà gắn với thửa đất số 394 có kết cấu cột, dầm bê tông, vách tường (không trát), mái tole, nền bê-tông, có khu phụ, không trần, diện tích 50,5m², tỉ lệ còn lại 30%.

+ Mái che (phần tiệm bán đồ dùng học sinh gắn liền trên thửa đất số 394) có kết cấu cột, kèo thép, vách tole, mái tole, nền bê tông, 01 vách + 01 hàng cột nhỡ, diện tích 19,5m², tỉ lệ còn lại 35%.

+ Thừa đất số 390, tờ bản đồ 21, diện tích 80m², địa chỉ thửa đất: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 890235, ngày vào sổ: 14/9/2017, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho chị Phan Thị X đứng tên)

(Có sơ đồ đất kèm theo).

+ Thừa đất số 382, tờ bản đồ 21, diện tích 68m², địa chỉ thửa đất: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 890234, ngày vào sổ: 14/9/2017, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho chị Phan Thị X đứng tên).

(Có sơ đồ đất kèm theo).

Chị X được quyền lưu cư tại căn nhà xây cất trên thửa đất số 371, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (căn nhà chia cho anh V) trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Trần Thanh V và chị Phan Thị X được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất được chia theo quy định.

2/- Về án phí:

Anh Trần Thanh V phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 21.679.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 10012 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, anh V còn phải nộp 16.679.000 đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm, bảy mươi chín ngàn đồng).

Chị Phan Thị X phải chịu 30.791.400 đồng (Ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi một ngàn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho chị Phan Thị X theo biên lai thu số 0002249 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Án tuyên lúc 08 giờ 15 phút ngày 04/8/2020, có mặt anh Dũng, chị X.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy

